

NHẬN THỨC VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁP LUẬT VỚI ĐẠO ĐỨC

ThS. NGUYỄN VĂN NĂM*

Điều chỉnh hành vi con người có nhiều công cụ khác nhau, trong đó, pháp luật và đạo đức là những công cụ rất quan trọng. Trong các xã hội khác nhau, pháp luật và đạo đức được nhận thức và sử dụng một cách khác nhau, tuy nhiên không thể phủ nhận được sự tác động, bổ sung cho nhau giữa chúng. Chính vì vậy, quản lí xã hội bằng pháp luật kết hợp giáo dục nâng cao đạo đức là tất yếu. Để góp phần nhận thức và sử dụng pháp luật và đạo đức một cách có hiệu quả trong quản lí xã hội, bài viết này trình bày một số hiểu biết của tác giả về mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức.

Đạo đức được tiếp cận trên nhiều bình diện khác nhau, nó có thể được hiểu là tổng thể các quan niệm, quan điểm của một cộng đồng dân cư nhất định về thật - giả; đúng - sai; thiện - ác; tốt - xấu... cùng các quy tắc xử sự được hình thành trên cơ sở các quan niệm, quan điểm đó nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, chúng được thực hiện bởi lương tâm, tình cảm cá nhân và sức mạnh của dư luận xã hội. Đạo đức cũng có thể được hiểu là nhân cách, đức hạnh, phẩm hạnh hay là những phẩm chất tốt đẹp của con người có được nhờ tu dưỡng, rèn luyện theo những tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Như vậy, đạo đức được hiểu theo cả hai nghĩa, vừa là những quan niệm, quan điểm, quy tắc đạo đức xã hội, vừa là những phẩm chất đạo đức cá nhân.

Mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau song

về cơ bản có thể quan niệm rằng pháp luật là hệ thống các quan niệm, quan điểm của nhà nước được thể hiện thành các quy định cụ thể cùng các quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí nhà nước, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Pháp luật và đạo đức có mối quan hệ mật thiết với nhau, giữa chúng vừa có sự thống nhất, vừa có sự khác biệt và có sự tác động qua lại lẫn nhau.

1. Những điểm giống nhau cơ bản giữa pháp luật với đạo đức

Một là, pháp luật và đạo đức là những phương tiện điều chỉnh quan trọng bậc nhất đối với các quan hệ xã hội. Chúng giữ vai trò rất quan trọng đảm bảo cho xã hội tồn tại và phát triển trong ổn định, trật tự. Nhờ có pháp luật, đạo đức và các công cụ điều chỉnh khác mà trật tự xã hội được thiết lập, củng cố và duy trì. Sử dụng pháp luật, đạo đức để điều chỉnh các quan hệ xã hội, nhà nước và xã hội mong muốn bảo vệ và định hướng phát triển những quan hệ xã hội phù hợp với lợi ích của lực lượng cầm quyền cũng như của toàn xã hội, hạn chế sự phát triển và đi tới loại bỏ khỏi đời sống những quan hệ xã hội không phù hợp hoặc trái với những lợi ích đó.

Hai là, cả pháp luật và đạo đức đều

* Giảng viên Khoa hành chính - Nhà nước Trường Đại học Luật Hà Nội

mang tính quy phạm phổ biến, chúng đều là những khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi con người. Phạm vi tác động của pháp luật và đạo đức là rất rộng lớn, chúng tác động đến tất cả các cá nhân, tổ chức trong xã hội, tác động đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống.

Ba là, giữa pháp luật và đạo đức luôn có sự phù hợp ở mức độ nhất định. Về cơ bản, pháp luật luôn có sự phù hợp ở những mức độ khác nhau với các chuẩn mực đạo đức cơ bản, phổ biến được thừa nhận rộng rãi trong xã hội, với đạo đức truyền thống dân tộc. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, sự thống nhất giữa pháp luật và đạo đức càng lớn, thậm chí, pháp luật còn được coi là những chuẩn mực đạo đức cần có. Chính vì vậy, có tác giả cho rằng "*đạo đức của một cộng đồng còn bao hàm cả pháp quyền của nó; pháp quyền của một cộng đồng là đạo đức tối thiểu của nó*".⁽¹⁾

Bốn là, pháp luật và đạo đức đều thuộc phạm trù ý thức xã hội, phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn phát triển nhất định của lịch sử. Chúng đều là sản phẩm của bộ óc con người, là kết quả quá trình con người nhận thức đời sống của chính mình. Pháp luật và đạo đức đều chịu sự chi phối của đời sống kinh tế xã hội, bởi vậy, mỗi xã hội có những quan điểm, chuẩn mực đạo đức riêng, hệ thống pháp luật riêng phù hợp với các điều kiện kinh tế, chính trị, văn hoá... trong xã hội đó. Đồng thời, cả pháp luật và đạo đức đều có sự tác động trở lại đời sống xã hội, thúc đẩy hoặc kìm hãm ở những mức độ nhất định sự phát triển của đời sống xã hội.

Ở góc độ khác, chúng ta lại thấy pháp luật và đạo đức đều thuộc kiến trúc thượng tầng, chịu sự chi phối của cơ sở hạ tầng và

có sự tác động trở lại cơ sở hạ tầng.

Năm là, trong xã hội có giai cấp, pháp luật và đạo đức vừa mang tính giai cấp vừa mang tính xã hội. Pháp luật và đạo đức đều là vũ khí chính trị của giai cấp nắm chính quyền, công cụ hướng hành vi của con người vào những khuôn khổ trật tự. Chúng đều là những công cụ để tổ chức và quản lí đời sống xã hội, giữ gìn ổn định, trật tự xã hội, phù hợp với ý chí và lợi ích chung của cộng đồng xã hội.

2. Những điểm khác nhau cơ bản giữa pháp luật với đạo đức

Bên cạnh những điểm giống nhau, pháp luật và đạo đức có những điểm khác nhau cơ bản sau:

Một là, con đường hình thành. Pháp luật chỉ có thể được hình thành thông qua hoạt động xây dựng pháp luật của nhà nước, trong khi đó, đạo đức có thể hình thành một cách tự phát trong đời sống chung của cộng đồng hoặc có thể do những cá nhân tiêu biểu trong xã hội, những người "đức cao vọng trọng" hoặc các thiết chế xã hội đặt ra.

Hai là, hình thức thể hiện. Có thể nói, hình thức thể hiện của đạo đức khá phức tạp. Dưới dạng không thành văn, đạo đức thường được thể hiện thông qua tục ngữ, ca dao, hò, vè, phong tục, tập quán... Dưới dạng thành văn, nó được thể hiện trong các kinh, sách tôn giáo, chính trị, văn học, nghệ thuật, trong các quy định của các thiết chế xã hội... Như vậy, sự biểu hiện của đạo đức rất đa dạng và không có những hình thức đặc thù cho riêng mình. Pháp luật mặc dù cũng được thể hiện thành văn và không thành văn song nó luôn được thể hiện dưới những hình thức xác định và xu hướng chung là ngày càng tồn tại phổ biến dưới hình thức văn bản quy phạm pháp luật.

Ba là, tính xác định về hình thức. Ở điểm này ta thấy rõ tính trội của pháp luật so với đạo đức. Thông qua các quy phạm pháp luật, các chủ thể biết được trong điều kiện nào, họ được làm gì, phải làm gì hay không được làm gì... hậu quả sẽ phải gánh chịu như thế nào nếu làm trái điều đó. Trái lại, tính xác định về hình thức của đạo đức thường không chặt chẽ như pháp luật. Các quan niệm, quan điểm đạo đức thường rất khái quát, bởi vậy, các quy tắc đạo đức được hình thành trên cơ sở đó thường khá đa dạng và phức tạp. Rất ít các quy phạm đạo đức chỉ rõ điều kiện, hoàn cảnh, chủ thể nằm trong phạm vi tác động của nó. Cách quy định về các hành vi được phép, bắt buộc hay bị cấm cũng hết sức khái quát, thậm chí nhiều trường hợp chỉ là những lời khuyên nên hay không nên... Bởi vậy, các quy phạm đạo đức thường không nêu ra các biện pháp chế tài. Trong khi xã hội chỉ có một hệ thống pháp luật thì đạo đức xã hội lại rất phức tạp, có đạo đức của giai cấp thống trị, đạo đức của giai cấp bị trị, đạo đức của toàn xã hội, đạo đức của các tôn giáo...

Bốn là, phạm vi điều chỉnh. Đây là vấn đề còn có nhiều ý kiến trái ngược nhau, có tác giả cho rằng phạm vi điều chỉnh của pháp luật rộng hơn đạo đức, một số tác giả khác có ý kiến ngược lại. Tôi cho rằng phạm vi điều chỉnh của đạo đức rộng hơn pháp luật. Pháp luật chỉ có thể điều chỉnh những quan hệ xã hội bị chi phối bởi ý chí, lí trí của các chủ thể. Trong số đó, pháp luật chỉ điều chỉnh những quan hệ xã hội có tầm quan trọng nhất định đối với đời sống xã hội, đã tồn tại một cách khách quan, phổ biến, điển hình trong đời sống. Vượt ra ngoài phạm vi đó, đạo đức còn

điều chỉnh cả những quan hệ xã hội bị chi phối bởi tình cảm của các chủ thể. Nói cách khác, đạo đức điều chỉnh tất cả các quan hệ xã hội mà chủ thể của nó là những con người có ý chí, lí trí, tình cảm. Cứ ở đâu có con người, ở đó có đạo đức bởi đạo đức là một yếu tố tinh thần không thể tách rời hành vi của con người. Pháp luật chỉ điều chỉnh các quan hệ xã hội khi nó đã ổn định ở một mức độ nhất định còn đạo đức do tính chất mềm dẻo và linh động, nó điều chỉnh các quan hệ xã hội ngay từ khi nó mới manh nha hình thành.

Pháp luật chỉ điều chỉnh hành vi của những con người đạt đến độ tuổi nhất định và có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của mình. Đạo đức điều chỉnh hành vi của con người không kể tuổi tác, địa vị xã hội... của họ. Pháp luật chỉ là "những đòi hỏi tối thiểu" trong hành vi con người, ngược lại, đạo đức "*là những đòi hỏi từ tối thiểu đến tối đa*".⁽²⁾ Chẳng hạn, trường hợp gặp người bị nạn nguy hiểm đến tính mạng, pháp luật chỉ buộc chủ thể phải thực hiện hành vi cứu giúp, tức là làm cho người đó thoát khỏi sự nguy hiểm đến tính mạng, đạo đức đòi hỏi rộng hơn nhiều, nó còn đòi hỏi chủ thể phải có những những hành vi giúp đỡ về vật chất cũng như về tinh thần khác đối với người bị nạn.

Đạo đức không chỉ là quy tắc của hành vi con người trong quan hệ với người khác, nó còn là quy tắc để chủ thể tự điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mình trong "quan hệ với chính mình", tự trọng, tự ái, tự trách mình... là những yếu tố quan trọng để mỗi cá nhân tự rèn luyện, tu dưỡng nhân cách, lối sống của bản thân mình.

Năm là, cách thức điều chỉnh. Pháp luật

điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng cách quy định cho các chủ thể những hành vi được phép, những hành vi bắt buộc và những hành vi bị cấm. Đạo đức điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng cách xác định cho các chủ thể những hành vi nên làm, không nên làm, cần phải làm, không được làm. Nói cách khác, pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội bằng cách xác định các quyền, nghĩa vụ cho chủ thể còn đạo đức điều chỉnh các quan hệ xã hội chủ yếu bằng cách xác định những nghĩa vụ, bổn phận cho chủ thể. Có thể nói trong đạo đức, vấn đề quyền chủ thể thường rất ít được đề cập.

Sáu là, cơ chế điều chỉnh có một số điểm khác nhau cơ bản sau:

- Trong điều chỉnh pháp luật, việc thiết lập khuôn mẫu cho hành vi con người do nhà nước tiến hành. Nhà nước thay mặt toàn thể xã hội đưa ra các quy tắc xử sự chung làm khuôn mẫu cho hành vi của tất cả các chủ thể. Trong điều chỉnh đạo đức, việc xây dựng các quy tắc đạo đức được tiến hành bởi rất nhiều chủ thể khác nhau. Hoạt động này luôn được thực hiện song song với hoạt động truyền bá các quan điểm, tư tưởng đạo đức. Tùy từng môi trường đạo đức cụ thể, phụ thuộc vào đối tượng tiếp nhận mà việc truyền bá các quan điểm, tư tưởng đạo đức và xây dựng các quy tắc đạo đức được tiến hành ở các mức độ khác nhau. Đó cũng chính là lí do giải thích về tính phức tạp của các quy tắc đạo đức.

Như vậy, để điều chỉnh pháp luật có hiệu quả, phải hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường việc phổ biến, tuyên truyền pháp luật. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả của điều chỉnh đạo đức, vấn đề cơ bản và quan trọng

là truyền bá, giáo dục các quan niệm, tư tưởng đạo đức.

- Tùy thuộc vào nội dung của các quy phạm pháp luật, việc cá biệt hoá chúng thành các quyền, nghĩa vụ cho chủ thể có thể do chủ thể tự thực hiện, cũng có thể do các chủ thể có thẩm quyền thực hiện. Trong nhiều trường hợp, hoạt động này được thực hiện dưới hình thức văn bản gọi là văn bản cá biệt. Khác với điều chỉnh pháp luật, việc cá biệt hoá các quy phạm đạo đức thành nghĩa vụ, bổn phận cho chủ thể hầu hết do chính chủ thể tự tiến hành. Trên cơ sở ý thức đạo đức cá nhân, chủ thể tự xác định cho mình nên làm gì, phải làm gì hay không được làm gì trong những trường hợp cụ thể... Đây là hoạt động tâm lí rất phức tạp, đó chính là sự tự điều chỉnh của chủ thể, bởi vậy nó không được ghi trong bất cứ văn bản nào.

Bảy là, biện pháp bảo đảm thực hiện. Pháp luật do nhà nước ban hành nên nó được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp nhà nước. Tùy điều kiện, hoàn cảnh cụ thể, nhà nước có thể sử dụng một hoặc kết hợp nhiều biện pháp, trong đó cưỡng chế nhà nước là biện pháp quan trọng nhất. Người vi phạm pháp luật có thể phải gánh chịu những hậu quả bất lợi về vật chất, tinh thần, tự do thậm chí cả tính mạng của mình, tuy nhiên, tất cả những biện pháp này chỉ là sự tác động từ bên ngoài đối với chủ thể. Trong khi đó, "đạo đức được đảm bảo trước hết nhờ vào những yếu tố kích thích nội tâm của con người - sức mạnh từ bên trong, từ lương tâm, từ những thói quen xú sự và từ sức mạnh bên ngoài - dư luận xã hội"⁽³⁾. Bằng "sự mách bảo của lương tâm", chủ thể xác

định được trách nhiệm, bổn phận của mình, tự giác làm một việc hoặc kiềm chế không làm một việc nhất định. Dư luận xã hội có khả năng tác động rất mạnh mẽ đến ý thức và hành vi con người, nó có thể làm cho chủ thể không thể tiếp tục cuộc sống trong cộng đồng một cách bình thường, thậm chí nó có thể dẫn họ tới xử sự cực đoan là tự tìm đến cái chết. Sự xấu hổ và lòng tự trọng khiến chủ thể không thể bỏ qua dư luận. Thông thường, người vi phạm đạo đức phải gánh chịu những hậu quả bất lợi về tinh thần, một số trường hợp, chủ thể cũng có thể bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc như đánh đập, đuổi đi hay giết chết...

Các biện pháp bảo đảm cho pháp luật được thực hiện chỉ được áp dụng trong hiện tại và sự phán xét từ phía nhà nước đối với người vi phạm pháp luật chỉ trong một thời gian nhất định. Ngược lại, trong đạo đức, theo quan điểm đạo đức tôn giáo, hậu quả mà chủ thể phải gánh chịu do vi phạm đạo đức có thể còn cả trong tương lai, "đời cha ăn mặn, đời con khát nước"... Sự ân hận trong lương tâm không có thời hiệu, nó diễn ra "triền miên, day dứt, thậm chí suốt cả cuộc đời người vi phạm",⁽⁴⁾ sự lên án từ phía dư luận xã hội thậm chí trở thành "bia miệng" và tồn tại không chỉ trong cuộc đời một con người.

3. Sự tác động qua lại giữa pháp luật và đạo đức

3.1. Sự tác động của đạo đức đến pháp luật

+ Đạo đức tác động đến việc hình thành các quy định trong hệ thống pháp luật. Có thể nói, bất kì hệ thống pháp luật nào bao giờ cũng ra đời, tồn tại và phát triển trên một nền

tầng đạo đức nhất định. Đạo đức như là môi trường cho sự phát sinh, tồn tại và phát triển của pháp luật, là chất liệu làm nên các quy định trong hệ thống pháp luật. Những quan điểm, quan niệm, chuẩn mực đạo đức đóng vai trò là tiền đề tư tưởng chỉ đạo việc xây dựng pháp luật. Pháp luật được xây dựng trên cơ sở đạo đức xã hội sẽ phản ánh được ý chí, nhu cầu, lợi ích của các thành viên trong xã hội, do vậy nó sẽ được mọi người tự giác thực hiện bởi lương tâm và tình cảm của họ. Khi đó, xử sự theo pháp luật sẽ dần trở thành thói quen hàng ngày của mỗi người. Vì thế, hiệu quả của điều chỉnh pháp luật đạt được là khá lớn. Ngược lại, khi pháp luật trái với đạo đức xã hội chắc chắn sẽ rất khó đi vào đời sống, hiệu quả điều chỉnh pháp luật sẽ không cao, có khi còn phản tác dụng.

Sự tác động của đạo đức đến việc hình thành các quy định trong pháp luật diễn ra ở nhiều cấp độ. Ở cấp độ thấp nhất, các quy phạm pháp luật được xây dựng không trái với đạo đức xã hội, cấp độ cao hơn, các quy định được ban hành có sự thống nhất, phù hợp với những quan niệm đạo đức ấy. Ảnh hưởng rõ nhất của đạo đức đến việc hình thành các quy định trong hệ thống pháp luật là việc nhà nước thể chế hoá các quan niệm, quan điểm đạo đức thành pháp luật; thừa nhận một tập quán đạo đức, biến chúng thành tập quán pháp hoặc thừa nhận cách giải quyết một vụ việc cụ thể dựa trên các quan niệm đạo đức, biến chúng thành tiền lệ pháp.

Trong toàn bộ đạo đức xã hội, đạo đức của giai cấp thống trị có ảnh hưởng đến pháp luật mạnh mẽ nhất, bởi vì, bộ máy nhà nước được cấu thành trước hết và chủ yếu từ các

thành viên trong giai cấp thống trị đồng thời nhờ nắm được bộ máy nhà nước, các công cụ tuyên truyền, lại có tiềm lực kinh tế... đạo đức của giai cấp thống trị có ảnh hưởng rất sâu rộng trên toàn xã hội. Những quan niệm, chuẩn mực đạo đức truyền thống của dân tộc cũng ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến pháp luật, bởi vì, truyền thống làm nên bản sắc dân tộc, truyền thống chính là cơ sở, động lực của sự phát triển. Đạo đức của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội cũng có ảnh hưởng nhất định đến việc hình thành các quy định trong hệ thống pháp luật song sự ảnh hưởng này nhìn chung rất hạn chế.

+ Đạo đức tác động đến việc thực hiện pháp luật của các chủ thể. Khi pháp luật được xây dựng phù hợp với các quan niệm, chuẩn mực đạo đức trong xã hội, thông thường nó sẽ được thực hiện một cách nghiêm chỉnh, bởi lẽ hành vi thực hiện pháp luật hoàn toàn phù hợp với các đòi hỏi của đạo đức xã hội, tuy nhiên, đó mới chỉ là điều kiện cần. Để pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh còn phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó ý thức đạo đức cá nhân giữ vai trò rất quan trọng.

Mỗi cá nhân, trước khi đạt đến độ tuổi để có thể thực hiện một cách đầy đủ các quyền, nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật, họ đã được giáo dục về nghĩa vụ, bổn phận đạo đức. Thông qua giáo dục đạo đức trong gia đình, nhà trường... những quan niệm, tư tưởng, chuẩn mực đạo đức trong xã hội trở thành phẩm chất đạo đức của mỗi cá nhân, từ đó hình thành nếp nghĩ, lối sống, thói quen xử sự hàng ngày. Điều đó chính là môi trường thuận lợi để tiếp thu, cảm nhận

và thực hiện pháp luật. Tuy nhiên, do nhiều yếu tố tác động mà phẩm chất đạo đức của các cá nhân là không giống nhau, bởi vậy, việc thực hiện pháp luật ở các cá nhân cũng khác nhau. Người có ý thức đạo đức tốt thông thường là người có thái độ tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh thực hiện pháp luật. Trong trường hợp vì vô ý dẫn đến vi phạm pháp luật thì họ thường có ý thức ăn năn, hối hận, thành khẩn, lập công sửa chữa vi phạm. Ngược lại, chủ thể có ý thức đạo đức kém thì việc thực hiện pháp luật sẽ không nghiêm, dẫn tới sự coi thường pháp luật, dễ vi phạm pháp luật.

Đạo đức cá nhân cũng có ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến hoạt động áp dụng pháp luật. Nhà chức trách có phẩm chất đạo đức tốt khi đưa ra các quyết định áp dụng pháp luật bao giờ cũng phải tính đến các quan niệm đạo đức xã hội sao cho "đạt lí" nhưng cũng "thấu tình". Ngược lại, người có ý thức đạo đức kém thường dễ mắc phải sai lầm, thậm chí vi phạm pháp luật khi thi hành công vụ, làm ngơ trước cái ác, xử lí oan sai người ngay, tha bổng kẻ phạm pháp. Sự tác động của đạo đức càng đặc biệt quan trọng trong trường hợp phải áp dụng tương tự pháp luật. Khi đó, nhà chức trách không có các quy phạm pháp luật để làm căn cứ, họ phải dựa vào các quan niệm, chuẩn mực đạo đức xã hội, dựa vào những lẽ phải trong cuộc sống để ra quyết định.

Sự tác động của pháp luật đến đạo đức

+ Pháp luật ghi nhận những quan niệm, tư tưởng, chuẩn mực đạo đức. Bằng cách này, pháp luật góp phần củng cố, giữ gìn và phát huy các giá trị đạo đức xã hội, đảm bảo cho đạo đức trở thành phổ biến hơn trên toàn xã hội đồng thời nó góp phần hỗ trợ, bổ sung

cho đạo đức, đảm bảo cho chúng được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế.

Trước hết, pháp luật ghi nhận những quan điểm, tư tưởng đạo đức của giai cấp thống trị. Nhờ có pháp luật mà các quan niệm, tư tưởng đạo đức của giai cấp thống trị được truyền bá rộng rãi và được thực hiện nghiêm chỉnh trên thực tế. Bên cạnh đó, pháp luật cũng ghi nhận những quan niệm, quan điểm đạo đức truyền thống tốt đẹp, những thuần phong mỹ tục của dân tộc, những quan niệm đạo đức phù hợp với tiến bộ xã hội. Pháp luật cũng có thể ghi nhận những quan điểm đạo đức của các giai cấp, tầng lớp khác trong xã hội nếu nó phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị cũng như lợi ích chung của toàn xã hội.

+ Pháp luật loại trừ những quan niệm, tư tưởng, đạo đức lạc hậu, trái với lợi ích giai cấp thống trị, lợi ích chung của cộng đồng cũng như tiến bộ xã hội. Bằng những quy định cụ thể, pháp luật nghiêm cấm việc tuyên truyền những tư tưởng đạo đức lạc hậu, phản tiến bộ, trái với lợi ích giai cấp thống trị, lợi ích chung của cộng đồng; cấm chỉ những hành vi thể hiện các quan niệm, chuẩn mực đạo đức ấy; bắt buộc thực hiện những hành vi thể hiện quan niệm đạo đức mới, tiến bộ đồng thời, pháp luật quy định các biện pháp chế tài nghiêm khắc đối với các chủ thể vi phạm những quy định đó.

+ Pháp luật góp phần ngăn chặn sự thoái hoá, xuống cấp của đạo đức; ngăn chặn việc hình thành những quan niệm đạo đức trái thuần phong mỹ tục của dân tộc và tiến bộ xã hội; góp phần làm hình thành những quan niệm đạo đức mới.

Có thể nói, pháp luật là công cụ hữu hiệu nhất để diệt trừ cái ác, ngăn chặn sự băng hoại của đạo đức. Bên cạnh việc pháp luật hoá các quan niệm, tư tưởng đạo đức, pháp luật còn quy định các biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những hành vi trái đạo đức xã hội.

Khi trong đời sống xã hội xuất hiện những hành vi trái thuần phong mỹ tục, trái truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, trái tiến bộ xã hội, nhà làm luật đặt ra các quy định cụ thể để ngăn chặn sự phát triển của nó, từ đó loại bỏ nó khỏi đời sống xã hội.

Bằng việc thừa nhận, khuyến khích các hành vi thể hiện những quan niệm đạo đức mới, pháp luật góp phần khẳng định một cách chính thức những quan niệm đạo đức đó. Khi đó, những quan niệm, quan điểm đạo đức ấy tồn tại một cách chính thức và không thể đảo ngược.

Tóm lại, pháp luật và đạo đức có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Khi phù hợp với nhau, chúng khẳng định nhau, bổ sung cho nhau, tạo nên sự điều chỉnh mạnh mẽ nhất đối với hành vi con người. Khi mâu thuẫn nhau, pháp luật sẽ phải thay đổi nếu trái với những giá trị đạo đức xã hội, ngược lại, đạo đức sẽ bị loại bỏ nếu trái với lợi ích của giai cấp cầm quyền, lợi ích chung của cộng đồng hay trái với tiến bộ xã hội./.

(1), (2). Xem: Nguyễn Khắc Hiếu, "Giáo trình đạo đức học Mác-Lênin", Đại học khoa học xã hội và nhân văn, Hà Nội 1999, tr. 63, 64.

(3), (4). Xem: Hoàng Thị Kim Quế, "Một số suy nghĩ về mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong hệ thống điều chỉnh xã hội", Tạp chí nhà nước và pháp luật, số 7/1999, tr. 17.